

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2025

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo sau đại học;

Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2025 như sau:

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo hồ sơ năng lực.

2. Hình thức, thời gian và địa điểm đào tạo:

- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo:
 - 03 năm đối với người đã tốt nghiệp Thạc sĩ (90 tín chỉ)
 - 04 năm đối với người đã tốt nghiệp Đại học (120 tín chỉ)
- Địa điểm đào tạo: tại Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Mã số	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1	9540101	Công nghệ thực phẩm	6
2	9340101	Quản trị kinh doanh	8
3	9440301	Khoa học môi trường	4
4	9520103	Kỹ thuật cơ khí	4
5	9520301	Kỹ thuật hóa học	4
6	9420201	Công nghệ sinh học	4
7	9340201	Tài chính - Ngân hàng	8

4. Đối tượng dự tuyển:

- Công dân Việt Nam
- Công dân nước ngoài

5. Điều kiện dự tuyển:

5.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ (Phụ lục I). Đối với ngành gần, người dự tuyển cần bổ sung kiến thức theo quy định trong chương trình đào tạo;

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

5.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*Phụ lục II*).

5.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có: chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

5.4. Người hướng dẫn:

- Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa hai người hướng dẫn (NHD) luận án tiến sĩ (LATS), trong đó phải có ít nhất một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài, nhà khoa học trong nước có hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại Trường.

- Tiêu chuẩn NHD nghiên cứu sinh phải đáp ứng các quy định tại Phụ lục III.

- Danh sách cán bộ khoa học và hướng nghiên cứu tham khảo tại website <https://sdh.huit.edu.vn>

6. Hồ sơ dự tuyển:

6.1. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

Stt	Danh mục hồ sơ dự tuyển	Số lượng	Biểu mẫu
1.	Phiếu đăng ký dự tuyển	01	Mẫu 01
2.	Sơ yếu lý lịch (có dán hình đóng dấu giáp lai, xác nhận của cơ quan hoặc địa phương cư trú)	01	
3.	Giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập còn thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển	01	
4.	Bản sao công chứng văn bằng thạc sĩ	01	
5.	Bản sao công chứng văn bằng đại học	01	
6.	Bản sao công chứng Giấy công nhận văn bằng do	01	

Stt	Danh mục hồ sơ dự tuyển	Số lượng	Biểu mẫu
	Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp nếu văn bằng được cấp bởi cơ sở giáo dục đại học nước ngoài (nếu có)		
7.	Bản sao công chứng bằng điểm thạc sĩ	01	
8.	Bản sao công chứng bằng điểm đại học	01	
9.	Bản sao công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ	01	
10.	Lý lịch khoa học của Nghiên cứu sinh có dán ảnh đóng dấu giáp lai lên ảnh, xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương cư trú	01	Mẫu 02
11.	Giấy xác nhận chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ nước ngoài (nếu có)	01	
12.	Bản đề cương nghiên cứu có đầy đủ chữ ký của Người hướng dẫn (kèm theo bản PDF)	04	Mẫu 03
13.	Lý lịch khoa học của Người hướng dẫn có xác nhận của cơ quan công tác	01	Mẫu 04
14.	Giấy đồng ý hướng dẫn nghiên cứu sinh của Người hướng dẫn	01	Mẫu 05
15.	Thư giới thiệu của nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.	01	Mẫu 06
16.	Giấy xác nhận thâm niên công tác nếu là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có)	01	Mẫu 07
17.	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có)	01	
18.	Bản sao các công trình khoa học đã công bố trong vòng 5 năm (nếu có, kèm theo bản PDF)	01	Mẫu 08
19.	Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính	01	Mẫu 09
20.	Ảnh thẻ 3x4, chụp trong vòng 6 tháng, có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh	02	

Ghi chú:

- Chứng chỉ ngoại ngữ phải được thi trực tiếp tại các địa chỉ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép đăng ký tổ chức thi và cấp chứng chỉ.
- Bản sao công chứng trong thời gian 6 tháng tính đến thời điểm nhận hồ sơ.
- Nhà trường không hoàn trả hồ sơ và lệ phí xét tuyển cho người dự tuyển.

6.2. Cách thức nộp hồ sơ:

Nộp trực tiếp tại phòng Quản lý Sau đại học (Phòng D102), Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Lệ phí xét tuyển và học phí:

- Lệ phí xét tuyển: 3.000.000 đồng/thí sinh.
- Học phí: 25.000.000 đồng/1 học kỳ.

- Hình thức nộp: trực tiếp hoặc chuyển khoản.

- Trực tiếp tại phòng Kế hoạch – Tài chính (nhà C) của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chuyển khoản:

Đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

STK: 0016107779797979 ngân hàng Phương Đông (OCB), PGD Tân Phú

Nội dung: *Họ và tên _tên ngành đăng ký xét tuyển (viết tắt) _đợt xét tuyển.*

Ví dụ: Nguyễn Văn A _NCS CNTP _2025D1

8. Thời gian xét tuyển và nhập học:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Nộp hồ sơ	Từ ngày ra thông báo đến 31/5/2025
2	Xét tuyển hồ sơ	Từ ngày 01/6/2025 đến 14/6/2025
3	Bảo vệ đề cương nghiên cứu	Từ ngày 15/6/2025 đến 28/6/2025
4	Công bố kết quả trúng tuyển	Từ ngày 29/6/2025 đến 06/7/2025
5	Nhập học	Từ ngày 07/7/2025 đến 17/7/2025

Mọi chi tiết liên hệ:

Phòng Quản lý Sau đại học (phòng D102), Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 140 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 028.38163315 - 132, Hotline: 0962051080 (phím 3)

Email: duongnh@huit.edu.vn; Website: <https://sdh.huit.edu.vn>

Fanpage: <https://www.facebook.com/P.QLSauDaiHoc>

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, QLSDH.



Nguyễn Xuân Hoàn

PHỤ LỤC I:
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Ban hành kèm theo Thông báo số: 214 /TB-DCT, ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp cần học bổ sung kiến thức
1	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	+ Sinh học ứng dụng + Sinh học + Kỹ thuật sinh học + Sư phạm sinh học + Công nghệ thực phẩm + Công nghệ sau thu hoạch + Dinh dưỡng + Nuôi trồng thủy sản + Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản + Chăn nuôi + Thú y + Nông học + Lâm nghiệp + Thủy sản + Y học và các ngành liên quan + Dược học và các ngành liên quan + Kỹ thuật y sinh + Kỹ thuật môi trường + Khoa học môi trường + Kỹ thuật hoá học + Hoá hữu cơ + Hoá môi trường <i>Các ngành khác với danh sách các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên</i>
2	Tài chính - Ngân hàng	+ Tài chính - Ngân hàng + Tài chính - doanh nghiệp + Tài chính công + Tài chính và lưu thông tiền tệ + Ngân hàng + Bảo hiểm + Thuế	+ Kinh tế + Quản trị kinh doanh + Kinh doanh thương mại, quốc tế + Kế toán + Kiểm toán + Thống kê + Quản lý kinh tế + Hệ thống thông tin quản lý + Công nghệ tài chính <i>Các ngành khác với danh sách các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên</i>
3	Kỹ thuật hóa học	Kỹ thuật hóa học	+ Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu + Kỹ thuật vật liệu + Kỹ thuật môi trường + Kỹ thuật dầu khí + Hóa sinh học + Công nghệ sinh học + Sinh học + Hóa học + Hóa vô cơ + Hóa hữu cơ + Hóa phân tích + Hóa lý thuyết và Hóa lý + Hóa môi trường + Khoa học vật liệu + Khoa học môi trường + Kỹ thuật in + Hóa dược

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp cần học bổ sung kiến thức
			+ Hóa sinh dược + Công nghệ thực phẩm + Công nghệ sau thu hoạch + Công nghệ chế biến thủy sản + Đảm bảo chất lượng và An toàn Thực phẩm + Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc <i>Các ngành phù hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên</i>
4	Kỹ thuật cơ khí	+ Kỹ thuật cơ khí + Kỹ thuật cơ điện tử + Kỹ thuật Nhiệt + Công nghệ kỹ thuật cơ khí + Công nghệ chế tạo máy + Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử + Công nghệ kỹ thuật nhiệt	+ Cơ kỹ thuật + Kỹ thuật hàng không + Kỹ thuật năng lượng + Kỹ thuật vật liệu + Kỹ thuật công nghiệp + Kỹ thuật hệ thống công nghiệp + Kỹ thuật in + Kỹ thuật cơ khí động lực + Kỹ thuật tàu thủy + Kỹ thuật ô tô + Kỹ thuật vật liệu kim loại + Công nghệ kỹ thuật ô tô + Công nghệ kỹ thuật tàu thủy + Công nghệ vật liệu dệt, may + Công nghệ dệt, may + Bảo dưỡng công nghiệp + Vật lý kỹ thuật + Vật lý chất rắn + Cơ học vật rắn <i>Các ngành phù hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên</i>
5	Công nghệ thực phẩm	+ Công nghệ thực phẩm + Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm + Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm + Công nghệ sau thu hoạch + Công nghệ chế biến thủy sản + Kỹ thuật thực phẩm	+ Sinh học + Công nghệ sinh học + Công nghệ kỹ thuật sinh học + Công nghệ, kỹ thuật môi trường + Công nghệ, kỹ thuật Hoá học + Dinh dưỡng học <i>Các ngành phù hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên</i>
6	Quản trị kinh doanh	+ Quản trị kinh doanh + Kinh doanh + Kinh doanh quốc tế + Kinh doanh thương mại	+ Marketing + Bất động sản + Thương mại điện tử + Tài chính – Ngân hàng + Bảo hiểm + Công nghệ tài chính + Kế toán/Thuế + Kiểm toán + Khoa học quản lý + Chính sách công + Quản trị nhân lực + Hệ thống thông tin quản lý + Quản trị văn phòng + Quan hệ lao động + Quản lý dự án + Quản lý khoa học và công nghệ + Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp + Kinh tế

Stt	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp cần học bổ sung kiến thức
			+ Kinh tế chính trị + Kinh tế đầu tư + Kinh tế phát triển + Kinh tế quốc tế + Thống kê kinh tế + Toán kinh tế + Kinh tế số + Kinh tế công nghiệp + Quản lý công nghiệp + Quản lý kinh tế + Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng <i>Các ngành phù hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên</i>
7	Khoa học Môi trường	Khoa học môi trường	+ Kỹ thuật môi trường + Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường + Công nghệ kỹ thuật môi trường, Khoa học môi trường + Khoa học đất, Môi trường và phát triển bền vững + Biến đổi khí hậu + Hóa môi trường + Sinh thái môi trường + Địa chất môi trường + Sinh thái học + Nông nghiệp + Khoa học thủy lợi + Hóa học + Công nghệ thực phẩm + Công nghệ sinh học + Nông Lâm nghiệp + Thủy sản + Kinh tế tài nguyên + Kinh tế môi trường + Kinh tế nông nghiệp + Khí tượng – Thủy văn <i>Các ngành phù hợp khác với các ngành trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt căn cứ vào hồ sơ của ứng viên</i>

Lưu ý: Đối với ứng viên đăng ký dự tuyển theo điều kiện "đã tốt nghiệp Đại học loại Giỏi" (mục 5), Trường không nhận hồ sơ dự tuyển đối với người dự tuyển tốt nghiệp Đại học ngành phù hợp cần học bổ sung kiến thức.





PHỤ LỤC II:
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN
(Ban hành kèm theo Thông báo số: 214/TB-DCT, ngày 12 tháng 3 năm 2025
của trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	NGÔN NGỮ	CHỨNG CHỈ	TRÌNH ĐỘ/THANG ĐIỂM
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400-489
			Đọc: 385-454
			Nói: 160-179
			Viết: 150-179
		Aptis ESOL (Aptis ESOL International Certificate)	Aptis ESOL B2
		Chứng chỉ VSTEP	Bậc 4 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên



PHỤ LỤC III:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN LUẬN ÁN TIẾN SĨ (NHD LATS)

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 214 /TB-DCT, ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa hai người hướng dẫn (NHD) luận án tiến sĩ (LATS), trong đó phải có ít nhất một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài, nhà khoa học trong nước có hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại Trường. Trong trường hợp có 2 NHD, phải xác định NHD chính và NHD phụ, trong quyết định giao đề tài và cử NHD cần ghi rõ NHD thứ nhất (NHD chính) và NHD thứ hai (NHD phụ). Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 NCS; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 NCS.

2. Tiêu chuẩn NHD luận án tiến sĩ:

a) NHD chính, NHD phụ, NHD độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Khoản 1 Điều 61 của Quy chế này.

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận NCS, NHD chính và NHD độc lập phải có thêm 1 trong 2 điều kiện sau:

- Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4.0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).

- Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

c) NHD chính, NHD phụ, NHD độc lập chưa có học hàm GS/PGS thì cần đáp ứng thêm 2 điều kiện sau:

- Đã hướng dẫn tối thiểu 02 HV cao học bảo vệ thành công luận văn/đề án thạc sĩ.
- Đã chủ trì tối thiểu 01 đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên, được Hội đồng khoa học nghiệm thu từ loại Đạt trở lên.

3. Trách nhiệm của NHD luận án tiến sĩ

a) Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

b) Xác định các HP cần thiết trong CTĐT trình độ tiến sĩ cho NCS; đề xuất với Khoa chuyên ngành, phòng Quản lý Sau đại học để trình Hiệu trưởng quyết định.

c) Lên kế hoạch tháng, quý, năm làm việc với NCS. Tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua.

d) Hướng dẫn NCS chuẩn bị các chuyên đề, báo cáo chuyên đề theo lịch trình của Khoa chuyên ngành.

e) Hướng dẫn NCS chuẩn bị bài giảng, tài liệu để tham gia giảng dạy, tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu, hỗ trợ hoạt động đào tạo tại Trường theo sự phân công của Khoa chuyên ngành (nếu có).

f) Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu và tiến độ đạt được của NCS trong các báo cáo định kỳ của NCS gửi Khoa chuyên ngành.

g) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

h) Duyệt luận án của NCS, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại Khoa chuyên ngành và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

i) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Trường.